

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HỒNG THÁI TÂY

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Kèm theo kế hoạch PCCM số /KH-PCCM-THCSHTT ngày / /2022)

(Áp dụng từ 17/4/2023 đến

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiêm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/1969		X	Toán	GDHN khối 9 (0,5), SHDC 6A2 (1); SHL 6A3 (1)		2,5	
2	Lê Nho Tập	29/07/1978		X	CNTT	HĐTN SHDC 6A1 (1), NT.Nhạc 6 (3); Tin 6 (3)		7	
3	Nguyễn Thị Hiền	09/08/1976		X	Hoá	Hóa khối 8 (6); Hoá 9 (4); TN theo chủ đề 6A2 (1); HĐTN SHL 6A2 (1)	TTCM (3); CN 6A2 (4)	19	KHTN Hóa 6, 7 đã dạy xong cuốn chiếu
4	Nguyễn Thị Thía	27/12/1970	X		TD	GDTC 6A1 (2); GDTC khối 7 (6); TD khối 8 (6); TD khối 9 (4)	TTND (2)	20	
5	Nguyễn Thị Huyền Lương	08/10/1989	X		Sinh-TD	KHTN Sinh 6A3 (4); Sinh 8 (6); Sinh 9 (4); GDTC 6A2 (2); C.ngệ 9 (2); Công nghệ 6 (3)		21	KHTN Sinh 7 đã dạy cuốn chiếu; 6A3 dạy cuốn chiếu theo PPCT
6	Hà Kiều Oanh	03/02/1996		X	Toán	Toán 6A1 (4), Toán 7B1 (4); C.ngệ 7 (3); Công nghệ 8 (6)		17	Con nhỏ
7	Vũ Thị Hiền			X	Toán	KHTN Lí 7 (12); Lí 8 (3); Lí 9 (4)		19	KHTN Lí 7 dạy cuốn chiếu; Lí 6 đã dạy xong cuốn chiếu
8	Nguyễn Thị Hồng Thanh	13/04/1984		X	Toán	Toán 6A2, 6A3 (8); Toán TC toán 8C3 (5); TN theo chủ đề 6A3 (1); SHDC (6A3) (1); Tin 7B1, 7B2 (2)	CN 6A3 (4); Tổ phó CM (1)	22	
9	Nguyễn Thị Hương Thùy			X	Toán	Toán TC Toán 9D1 (5); Toán TC toán 8C1, 8C2 (10); NGLL (0,5);	CN 9D1 (4) UVCĐ (1)	20,5	
10	Hoàng Thị Nghệ	14/07/1990		X	Toán - Tin	Toán TC toán 9D2 (5); Toán 7B3 (4); TN theo CĐ 7B3 (1); Toán 7B2 (4); SHL 7B3 (1); SHDC 7B3 (1); Tin 7B3 (1)	CN 7B3 (4) CNTT (2)	23	

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CM ĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					
11	Đỗ Quỳnh Hương	01/04/1997			Vật lý				Nghỉ thai sản
12	Đỗ Thị Tuyết Lan	25/10/1972		X	GDCD, (S-H-Đ)	LS-ĐL Địa khối 6, 7 (9); Địa khối 8 (6); Địa khối 9 (2); KHTN Sinh 6A1, 6A2			KHTN phân môn Sinh lớp 6A1, 6A2 dạy cuốn chiếu theo PPCT
13	Nguyễn Thị Lan	30/09/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 8C3 (5); Văn 6A3 (4); Sử 9 (4); GDĐP 6A2 (1); NGLL (0,5)	CN 8C3 (4); TTCM (3)	21,5	
14	Nguyễn Thị Thu Hà	23/09/1984		X	Ngữ văn	Văn 7B1 (4); Văn TC văn 9D2 (6); GDCD 9D2 (1); GDCD 7 (3); NGLL (0,5)	CN 9D2 (4); TKHD (2)	20,5	
15	Nguyễn Thị Tuyết Mai	14/11/1980	X		Ngữ văn	Văn TC văn 8C1 (5); GDCD 8 (3); Sử 8 (3); GDCD 6 (3); NGLL (0,5); Sử 6A3 (1,5)	CN 8C1 (4);	20	
16	Phạm Thị Tuyết Ngọc	24/01/1975		X	Ngữ văn	Văn TC văn 9D1 (6); Văn 6A1 (4); GDĐP 6A1 (1); GDCD 9D1 (1) TN theo chủ đề 6A1 (1) + SHL 6A1 (1)	CN 6A1 (4); PCT CĐ (3)	21	
17	Lê Thị Phụng	15/11/1973		X	Ngữ văn	Văn TC văn 8C2 (5); Văn 6A2 (4); LS-ĐL Sử 7 (4,5); LS-ĐL Sử 6A2 (1,5); NGLL (0,5)	CN 8C2 (4);	19,5	
18	Mạc Thị Duyên			X	Ngữ văn	Văn 7B3 (4); 7B2 (4); LS-ĐL Sử 6A1 (1,5); TN theo chủ đề 7B2 (1); GDĐP 7 (3); GDĐP 6A3 (1); SHL+SHDL 7B2 (2); Nhạc 7B2, 7B3 (2)	CN 7B2 (4)	22,5	
19	Nguyễn Thị Thương	28/06/1980		X	Mỹ thuật	NT.MT khối 6, 7 (6); MT khối 8 (3); Nhạc 9 (2); Nhạc 8 (3)	TPT (9,5)	23,5	
20	Nguyễn Thế Hoan	16/04/1975	X		T.Anh	T.Anh 7B2, 7B3 (6); T.Anh 8C1, 8C2 (6); T.Anh khối 9 (4); T.Anh 6A1 (3); GDTC 6A3 (2)		21	
21	Hoàng Thị Lan Hương	30/05/1977		X	T.Anh	T.Anh 6A2, 6A3 (6); T.Anh 7B1, 8C3 (6); TN theo chủ đề 7B1 (1); SHL +SHDC 7B1 (2); Nhạc 7B1 (1)	Tổ phó CM (1) CN 7B1 (4)	21	

Ghi chú: Căn cứ vào PPCT sẽ có điều chỉnh PCCM theo từng giai đoạn sẽ TB sau.

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

STT	Họ và tên	Năm sinh	T.Đ CM		CMĐT	Phân công chuyên môn học kỳ II, Năm học 2022-2023	Kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Ghi chú
			CĐ	ĐH					